

Bản án số: 47/2021/DS-ST

Ngày 14 tháng 01 năm 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thiện Liên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

2. Bà Trần Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 0796/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 525/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 306/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng A**

Địa chỉ: 442 N, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Thái Thị Thanh T (Giấy ủy quyền số 30/UQ-QLN.20 lập ngày 10 tháng 02 năm 2020) (Có mặt)

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà ACB Tower, 444A-446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Lê Hoàng B** - Sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 482/10/5/3A N, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Thái Thị Thanh T trình bày:

Căn cứ trên giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 28/01/2016 của ông Nguyễn Lê Hoàng B, ngày 28/01/2016 Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là A) đã cấp cho ông B thẻ tín dụng số 4791 3926 0005 6234, loại thẻ visa vàng UIL EMV, hạn mức thẻ là 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng, thẻ có hiệu lực đến tháng 01/2019, lãi suất và phí theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của A, cụ thể: từ ngày 28/01/2016 đến ngày 11/6/2017, lãi suất trong hạn là 25,8%/năm; từ ngày 12/6/2017 đến nay: lãi suất trong hạn là 29%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, từ ngày 28/01/2016 đến ngày 20/7/2018, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 661.501.740 (sáu trăm sáu mươi một triệu, năm trăm lẻ một ngàn, bảy trăm bốn mươi) đồng, tổng tiền lãi phí phạt là 36.019.591 (ba mươi sáu triệu, không trăm mười chín ngàn, năm trăm chín mươi một) đồng. Ông B đã thanh toán được 623.760.000 (sáu trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 21/7/2018, A đã chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là 73.761.331 (bảy mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi một ngàn, ba trăm ba mươi một) đồng và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Ngày 09/10/2018, A đã ra thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản nợ thẻ chưa thanh toán của ông B.

Nay, A yêu cầu ông Nguyễn Lê Hoàng B thanh toán ngay một lần tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 18/11/2020 là 141.339.581 (một trăm bốn mươi một triệu, ba trăm ba mươi chín ngàn, năm trăm tám mươi một) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 73.761.331 (bảy mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi một ngàn, ba trăm ba mươi một) đồng.
- Lãi quá hạn là 67.578.250 (sáu mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi tám ngàn, hai trăm năm mươi) đồng.

Ông B phải thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 19/11/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 28 tháng 01 năm 2016 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

A chỉ yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Lê Hoàng B thanh toán nợ, không yêu cầu đưa thêm bất cứ người nào vào tham gia vụ kiện với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn - ông Nguyễn Lê Hoàng B vắng mặt suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ kiện mặc dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập và niêm yết hợp lệ. Ông B cũng không gửi văn bản phản hồi đến Tòa.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên, cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 14/01/2021 là 145.865.974 (một trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi lăm ngàn, chín trăm bảy mươi bốn) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 73.761.331 (bảy mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi một ngàn, ba trăm ba mươi một) đồng.

- Tiền lãi quá hạn là 72.104.643 (bảy mươi hai triệu, một trăm lẻ bốn ngàn, sáu trăm bốn mươi ba) đồng.

Bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 15/01/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 28 tháng 01 năm 2016 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

Bị đơn - ông Nguyễn Lê Hoàng B vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa triệu tập xét xử hợp lệ và cũng không gửi văn bản ý kiến đến phiên tòa.

Tại phần tranh luận, nguyên đơn không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vụ án:

- * Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Thẩm phán đã xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 19/5/2020, Tòa án nhận đơn khởi kiện, ngày 15/6/2020 nguyên đơn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí,

Ngày 15/6/2020, Thẩm phán ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án số 796/2020/TLST-DS

Ngày 15/6/2020, Tòa án ban hành Quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ án.

Ngày 21/7/2020, Thẩm phán ban hành Quyết định cung cấp chứng cứ số 992/QĐ-CCTLCC yêu cầu Công an phường M, thành phố P xác minh nơi cư trú của bị đơn.

Ngày 21/7/2020, Thẩm phán ban hành Quyết định cung cấp chứng cứ số 994/QĐ-CCTLCC yêu cầu Công an phường X, quận Y xác minh nơi cư trú của bị đơn.

Ngày 22/7/2020, ngày 27/8/2020 và ngày 27/10/ 2020, Thẩm phán ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Theo đó, ngày 13/8/2020, ngày 22/9/2020 và ngày 18/11/2020 Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Về việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Đối với bị đơn: Cán bộ Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản.

Ngày 24/11/2020, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử số 525/QĐXXST-DS. Theo đó, vụ án được xét xử công khai vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 17/12/2020.

Ngày 25/11/2020, Tòa án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử kèm hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Ngày 17/12/2020, thay mặt Hội đồng xét xử, Thẩm phán ban hành Quyết định hoãn phiên tòa lý do bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất.

Tuy nhiên, còn một số vi phạm như vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa đã tổng đạt xét xử hợp lệ triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm lần 1 mở ngày 17/12/2020 và lần 2 mở ngày 14/01/2021 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không ý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng vụ án mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng bị đơn ký tên chủ thẻ chính vào ngày 28 tháng 01 năm 2016, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện đã đủ cơ sở xác định bị đơn đã được nguyên đơn cấp thẻ tín dụng số số 4791 3926 0005 6234, loại thẻ visa vàng UIL EMV, hạn mức thẻ là 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng, thẻ có hiệu lực đến tháng 01/2019, lãi suất và phí theo quy định tại bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của A cụ thể: từ ngày 28/01/2016 đến ngày 11/6/2017, lãi

suất trong hạn là 25,8%/năm; từ ngày 12/6/2017 đến nay: lãi suất trong hạn là 29%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Căn cứ bản sao kê tài khoản thẻ thì từ ngày 28/01/2016 đến ngày 20/7/2018, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 661.501.740 (sáu trăm sáu mươi một triệu năm trăm lẻ một ngàn bảy trăm bốn mươi) đồng, tổng tiền lãi phí phạt là 36.019.591 (ba mươi sáu triệu không trăm mười chín ngàn năm trăm chín mươi một) đồng. Bị đơn đã thanh toán được 623.760.000 (sáu trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở, tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn đã ngưng, không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho nguyên đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 21/7/2018, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn thiếu là 73.761.331 (bảy mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi một ngàn, ba trăm ba mươi một) đồng sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 14/01/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn với tổng số tiền là 145.865.974 (một trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi lăm ngàn, chín trăm bảy mươi bốn) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 73.761.331 (bảy mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi một ngàn, ba trăm ba mươi một) đồng.

- Tiền lãi quá hạn là 72.104.643 (bảy mươi hai triệu, một trăm lẻ bốn ngàn, sáu trăm bốn mươi ba) đồng.

Việc bị đơn đã ngưng, không thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền nào trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc và tiền lãi còn nợ là phù hợp với quy định tại bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng phần Á Châu; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Về phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia quá trình tố tụng giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ và xét xử. Cho thấy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền lợi tố tụng của mình.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thiết nghĩ yêu cầu của nguyên đơn hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận toàn bộ, cần buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 145.865.974 (một trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi lăm ngàn, chín trăm bảy mươi bốn) đồng cho nguyên đơn ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 28 tháng 01 năm 2016 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A theo như ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa.

[4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, án phí dân sự sơ thẩm là 7.293.299 (bảy triệu, hai trăm chín mươi ba ngàn, hai trăm chín mươi chín) đồng, bị đơn phải chịu do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.962.000 (hai triệu, chín trăm sáu mươi hai ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0087699 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Lê Hoàng B thanh toán cho Ngân hàng A số tiền là 145.865.974 (một trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi lăm ngàn, chín trăm bảy mươi bốn) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 73.761.331 (bảy mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi một ngàn, ba trăm ba mươi một) đồng.

- Tiền lãi quá hạn là 72.104.643 (bảy mươi hai triệu, một trăm lẻ bốn ngàn, sáu trăm bốn mươi ba) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Lê Hoàng B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 28 tháng 01 năm 2016 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 7.293.299 (bảy triệu, hai trăm chín mươi ba ngàn, hai trăm chín mươi chín) đồng, ông Nguyễn Lê Hoàng B phải nộp.

Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.962.000 (hai triệu, chín trăm sáu mươi hai ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0087699 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Y;
- Chi Cục THADS quận Y;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Liên Hương

